

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (*Phụ lục Danh mục kèm theo*).

Điều 2. Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

1. Niêm yết Danh mục thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Quyết định này tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Hồ sơ trình, giải quyết thủ tục hành chính cần ghi rõ tại Phiếu trình là “DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH” viết tắt là (DVBCCI) trên góc phía bên phải.

4. Khi vào sổ công văn và phát hành văn bản trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Văn phòng Bộ có trách nhiệm phân loại và thống kê số thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 682/QĐ-BKHĐT ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (để p/h);
- Các đơn vị: ĐTN, QLĐT, PTDN, KTĐN, TCCB, VP₂ (P. KSTH, P.VTLT) (để thực hiện);
- Trung tâm tin học (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (P. KSTH)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Đại Thắng

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **271** /QĐ-BKHĐT ngày **27** tháng **02** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN TTHC	CĂN CỨ PHÁP LÝ
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI (Công bố tại Quyết định số 1711/QĐ-BKHĐT ngày 14/11/2018 và Quyết định số 1967/QĐ-BKHĐT ngày 13/12/2019)		
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Đầu tư); - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (Nghị định số 83/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018 hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài (Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT).
2	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;

		- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
7	Chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
8	Thông báo hoạt động đầu tư ở nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.
9	Gia hạn chuyển lợi nhuận về nước	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT.

II. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Công bố tại Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017)

10	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP). - Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ (Thông tư số 07/2010/TT-BKH).
11	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.
12	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.
13	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài dưới hình thức phi dự án (PCPNN)	- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Công bố tại Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018)

14	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách	Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP (Nghị định số 132/2018/NĐ-CP).
15	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (không	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 (Luật Đầu tư công); - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

	bao gồm các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại)	- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.
16	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.
17	Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.
18	Xác nhận chuyên gia	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg); - Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 (Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC).
III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU		
Mục: Đấu thầu lựa chọn nhà thầu (Công bố tại Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019; Quyết định số 1901/QĐ-BKHĐT ngày 03/12/2019)		
19	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (Luật Đấu thầu); - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP); - Thông tư số 04/2019/TT-BKHĐT ngày 25/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu.
20	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;
21	Thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu	- Luật đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;

Mục: Đấu thầu lựa chọn nhà thầu
(*Công bố tại Quyết định số 233/QĐ-BKHĐT ngày 19/02/2020*)

22	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Nghị định số 30/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả (Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT).
23	Thay đổi, bổ sung các thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.
24	Chấm dứt, tạm ngừng tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.
25	Khôi phục tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

IV. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Mục: Thành lập và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (*Công bố tại Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017*)

26	Thành lập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Nghị định số 172/2013/NĐ-CP).
27	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP.
28	Chia, tách công ty TNHH một	Nghị định số 172/2013/NĐ-CP.

	thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	
V. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA		
Mục: Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Công bố tại Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018)		
29	Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; thông báo giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và báo cáo hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo trên Công thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 4/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo



Phụ lục II

MẪU PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **271** /QĐ-BKHĐT ngày **27** tháng **02** năm **2020** của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH
hoặc DVBCCI**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

TÊN ĐƠN VỊ...

Hà Nội, ngày tháng ... năm 20...

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi:

Vấn đề trình:.....

Các văn bản kèm theo:

NỘI DUNG VÀ KIẾN NGHỊ	GIẢI QUYẾT CỦA LÃNH ĐẠO
<p>1. Tóm tắt nội dung và kiến nghị của chuyên viên:</p> <p><i>Kính trình xem xét, quyết định./</i></p> <p>Chuyên viên soạn thảo văn bản</p> <p>Nguyễn Văn A Điện thoại:</p> <p>2. Ý kiến của Lãnh đạo đơn vị:</p>	<p>3. Ý kiến của các đơn vị phối hợp:</p> <p>Ngày / /.....</p> <p>4. Giải quyết của Lãnh đạo Bộ:</p> <p>Ngày / /.....</p> <p>Chánh VP: Ngày / /.....</p>
<p>Độ mật:..... Độ khẩn:.....</p>	<p>Thư ký LD: Ngày / /.....</p>